TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:16/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18/01/2021.
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biểu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Bà Phan Thị Thanh Dung

Thư ký Tòa án: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà, Kiểm sát viên

Ngày 18/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2020 V/v: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Châu L, sinh năm: 1977; trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Đắc T, sinh năm: 1977; trú tại: Thôn P, xã T, huyện N tỉnh Quảng Nam (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Hồ Thị Châu L trình bày: Bà L và ông Hồ Đắc T đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2002 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; bà L và ông T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; trong quá trình chung sống vợ chồng bà L và ông T hay xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm, bà L và ông T thường xuyên gây gỗ, không có tiếng nói chung; bà L và ông T đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm của bà L và ông T không còn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Hồ Đắc T1, sinh năm: 1998. Con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và tự lập về kinh tế nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Đắc T trình bày: Ông T và bà Hồ Thị Châu L đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2002 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; vợ chồng ông đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; trong quá trình chung sống vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; vợ chồng ông đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nên ông thống yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Hồ Đắc T1, sinh năm: 1998. Con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và tự lập về kinh tế nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và cho muợn nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Châu L với ông Hồ Đắc T. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Hồ Thị Châu L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hồ Đắc T hiện trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy việc khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Châu L và ông Hồ Đắc T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 13/8/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì giữa bà L và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L là do ông T không lo làm phụ giúp và không quan tâm đến gia đình nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống; bà L và ông T đã tự ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay bà L và ông T đều thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Châu L và bị đơn ông Hồ Đắc T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà có 01 (một) con chung là Hồ Đắc T1, sinh năm: 1998 đã đủ tuổi trưởng thành, lập gia đình riêng và tự lập về kinh tế, các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho muợn nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Bà Hồ Thị Châu L và ông Hồ Đắc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Châu L về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn ông Hồ Đắc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị Châu L và ông Hồ Đắc T.

- Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Tự giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị Châu L và ông Hồ Đắc T mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm của bà Hồ Thị Châu L được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004988 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Châu L 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

TRƯƠNG VĂN BIỂU